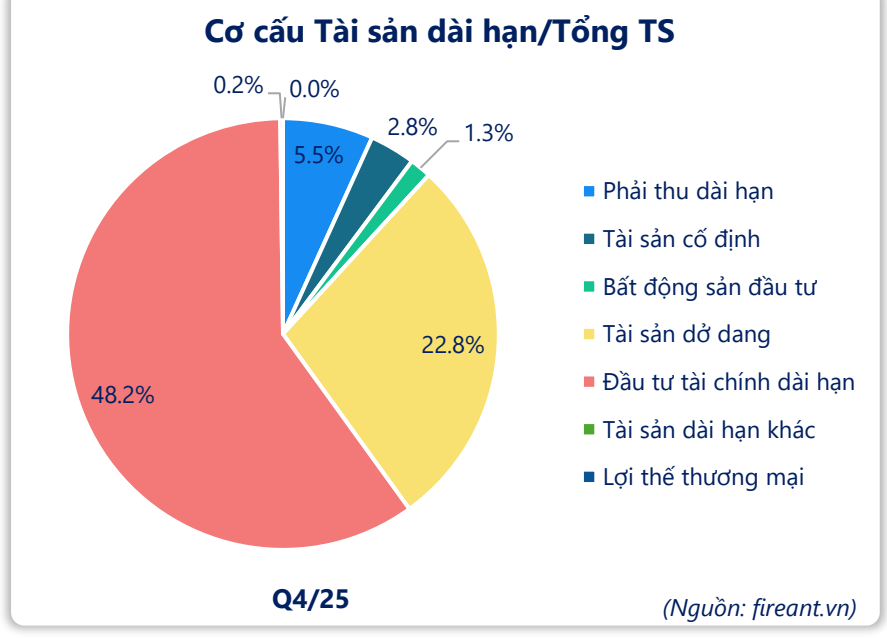
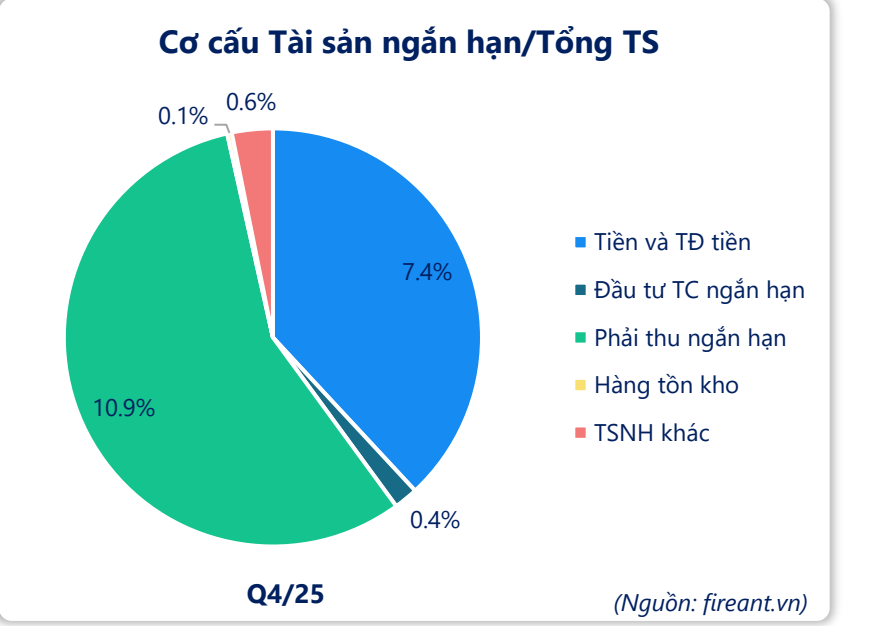
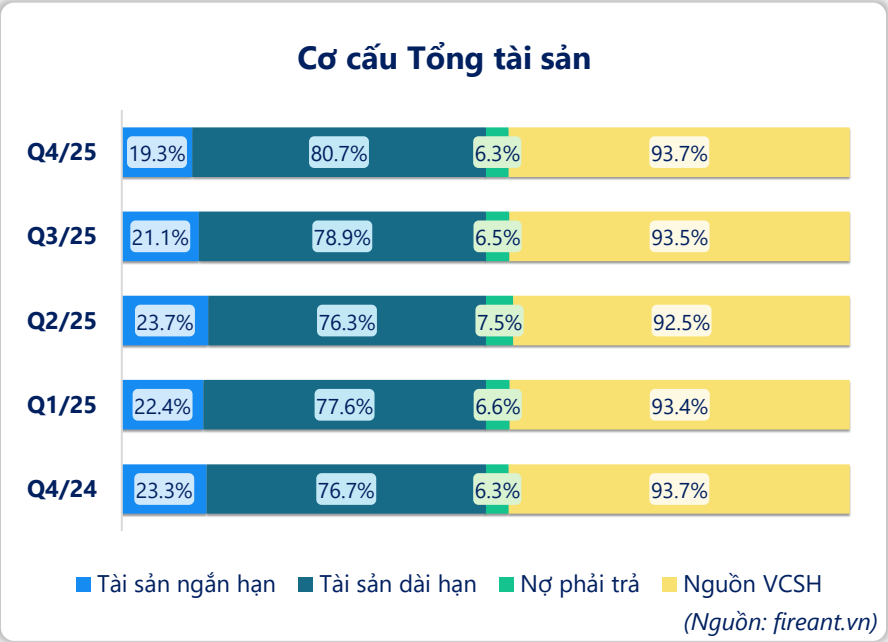
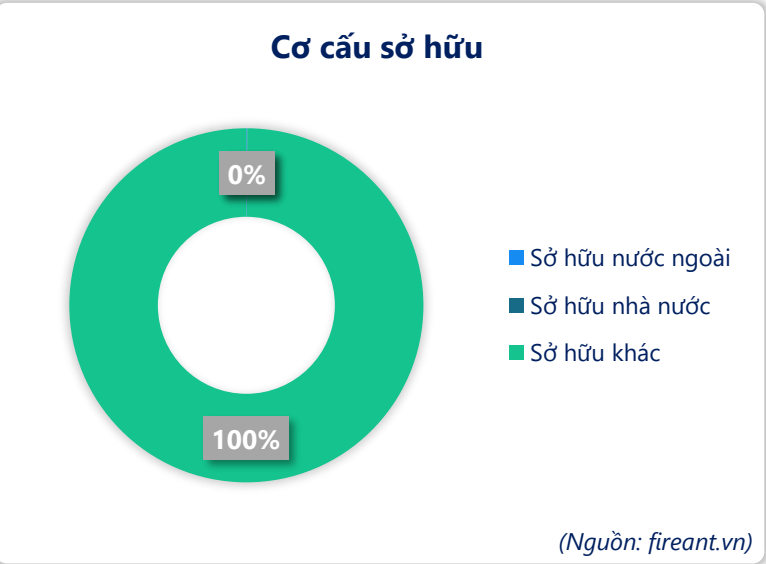
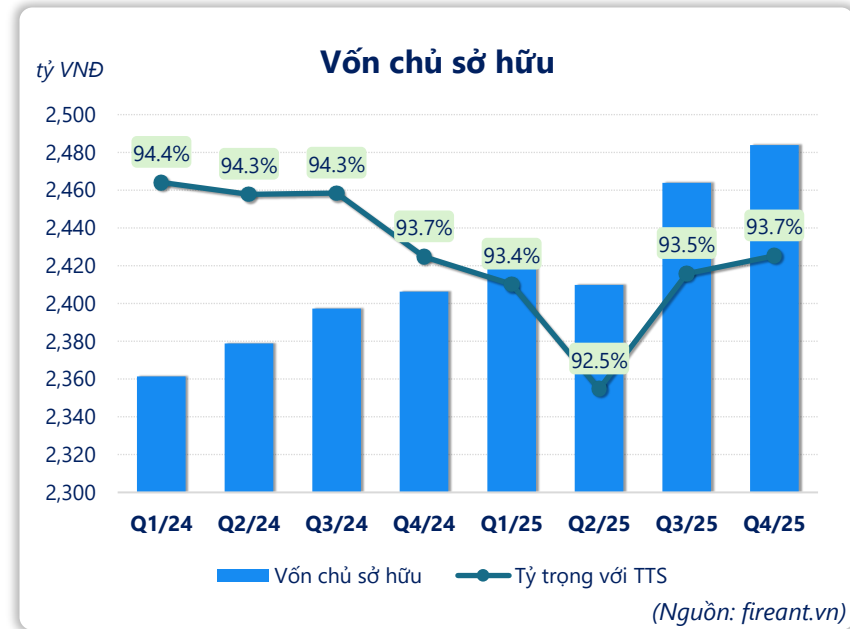
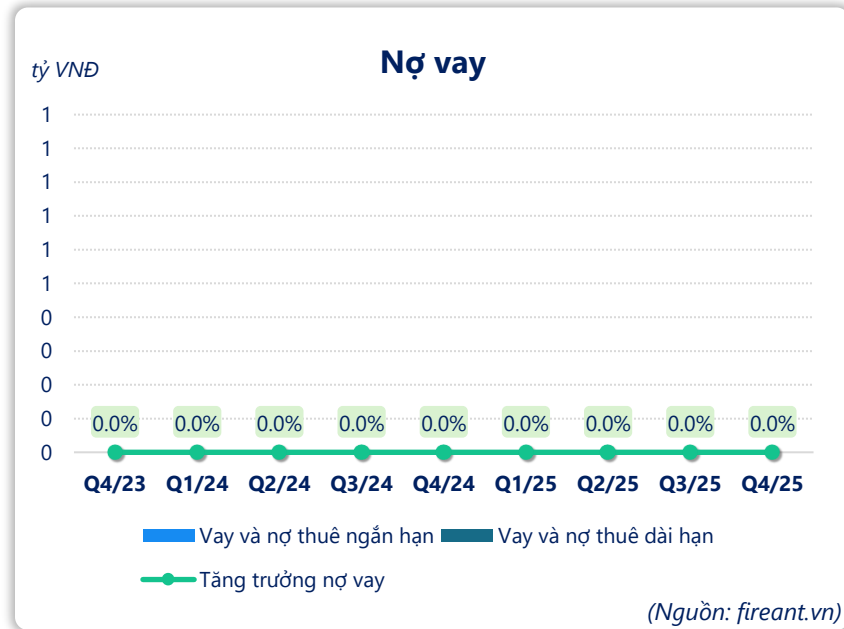
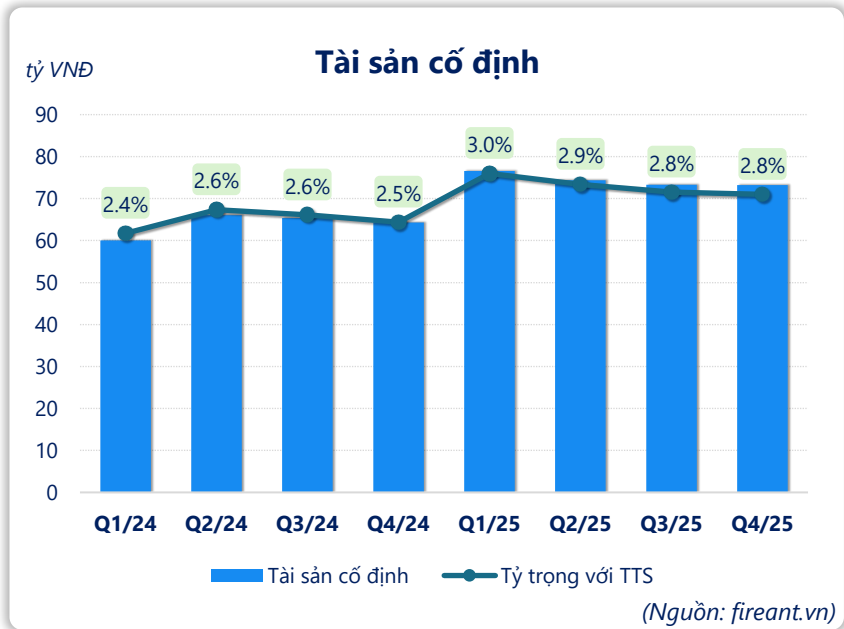
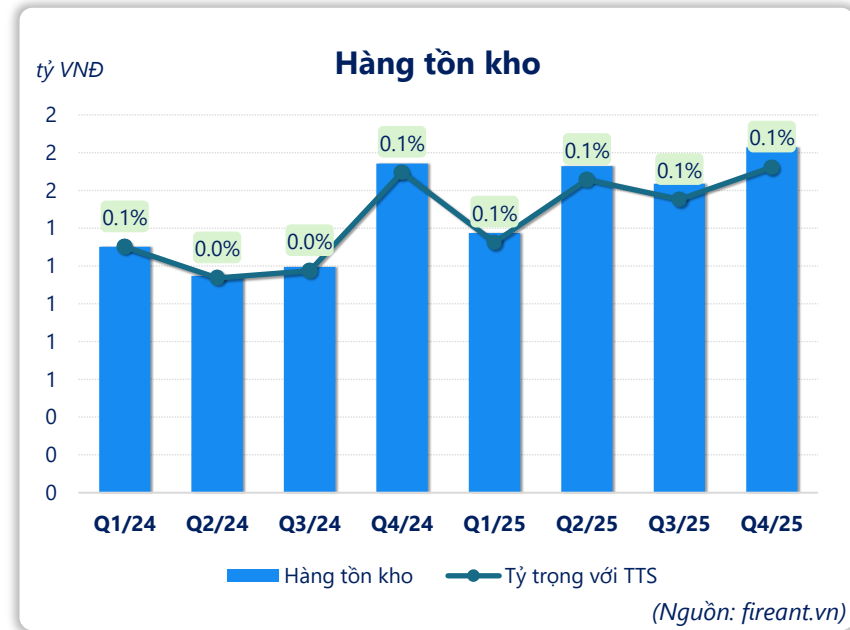
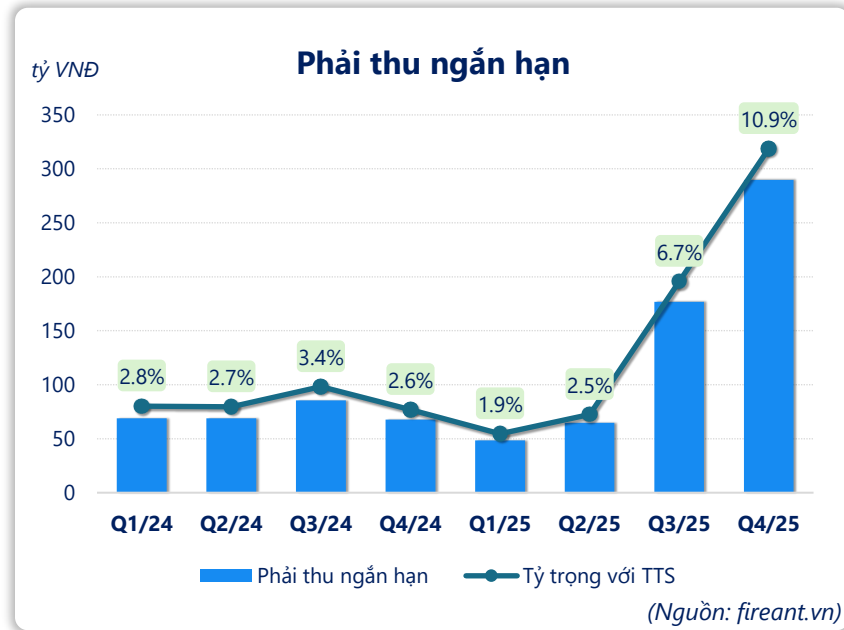
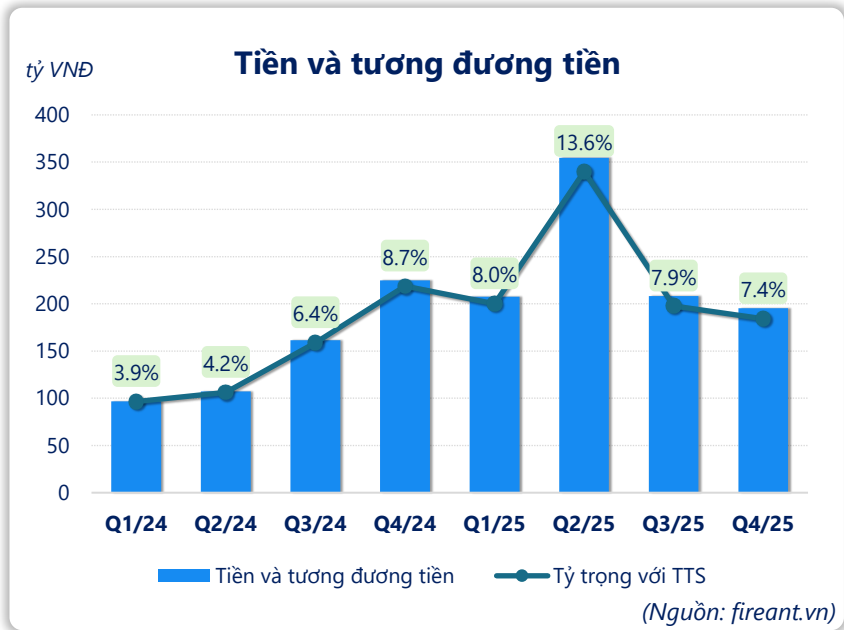
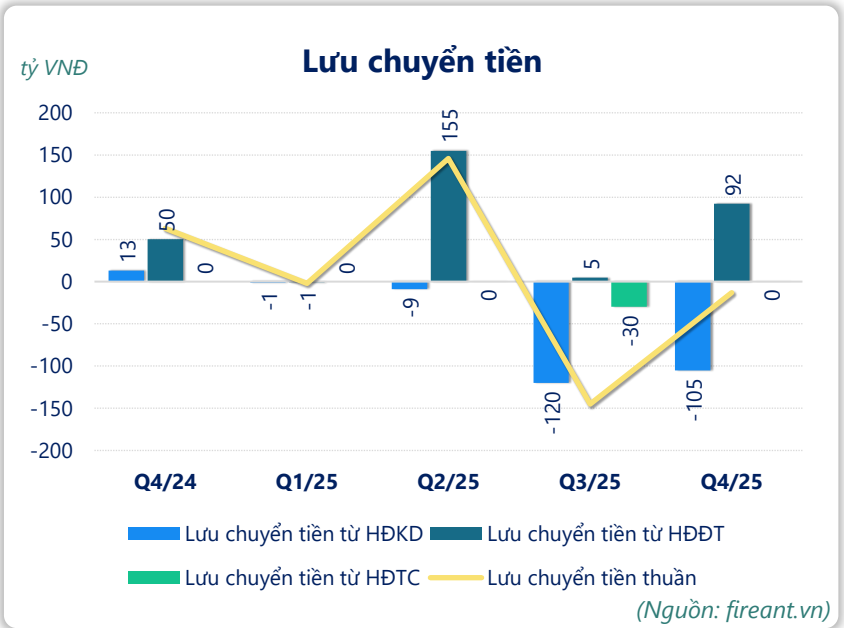
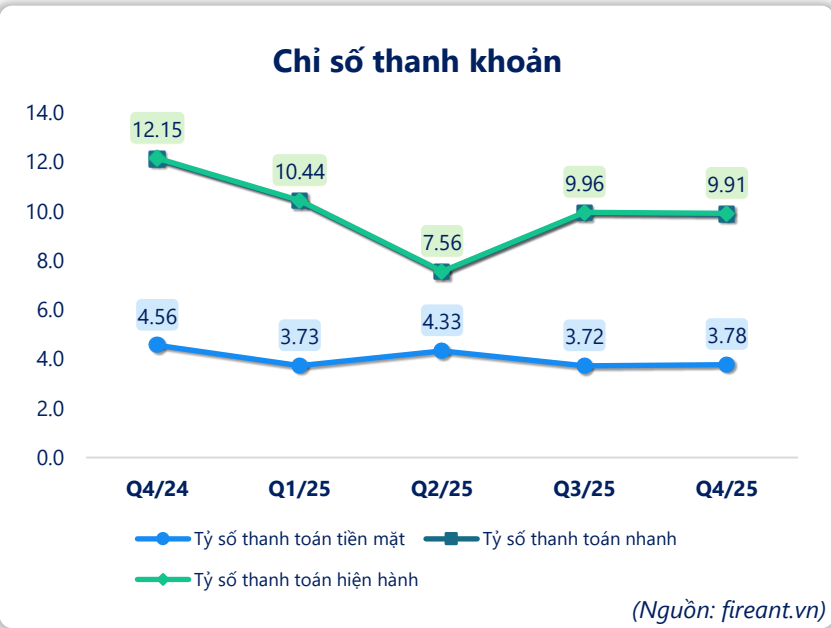
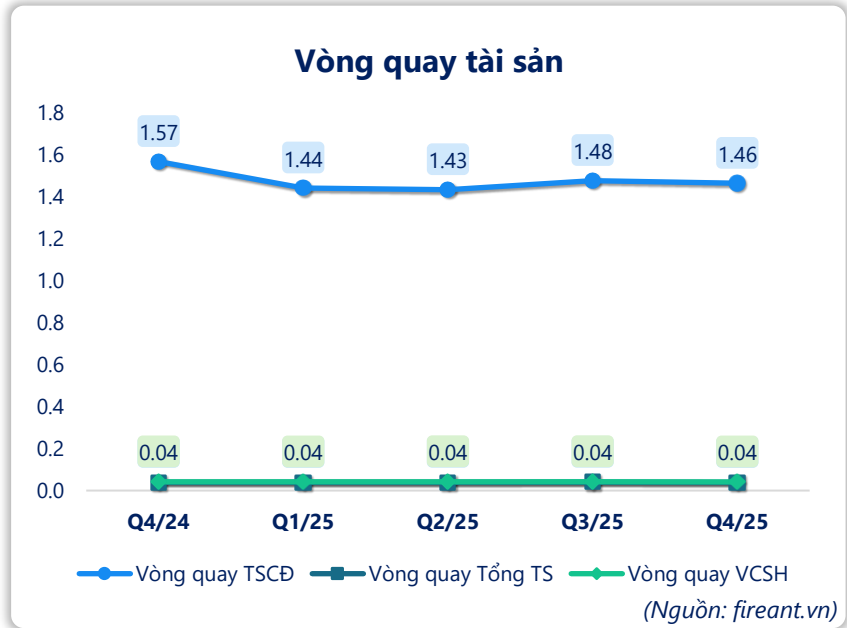
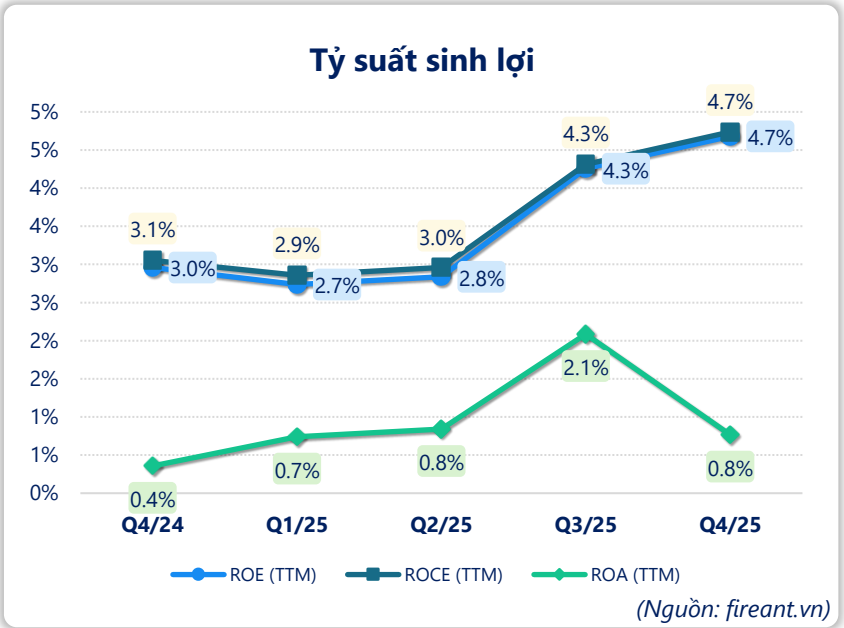
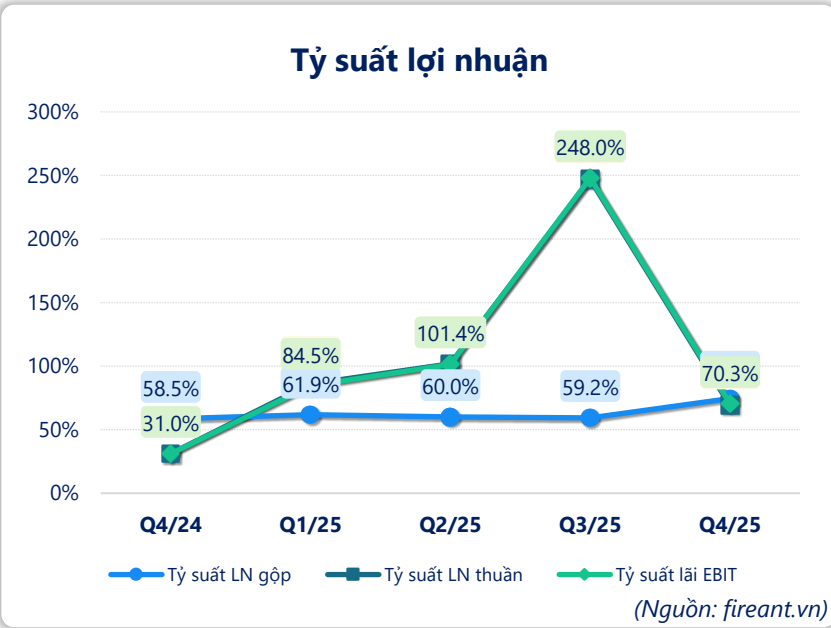
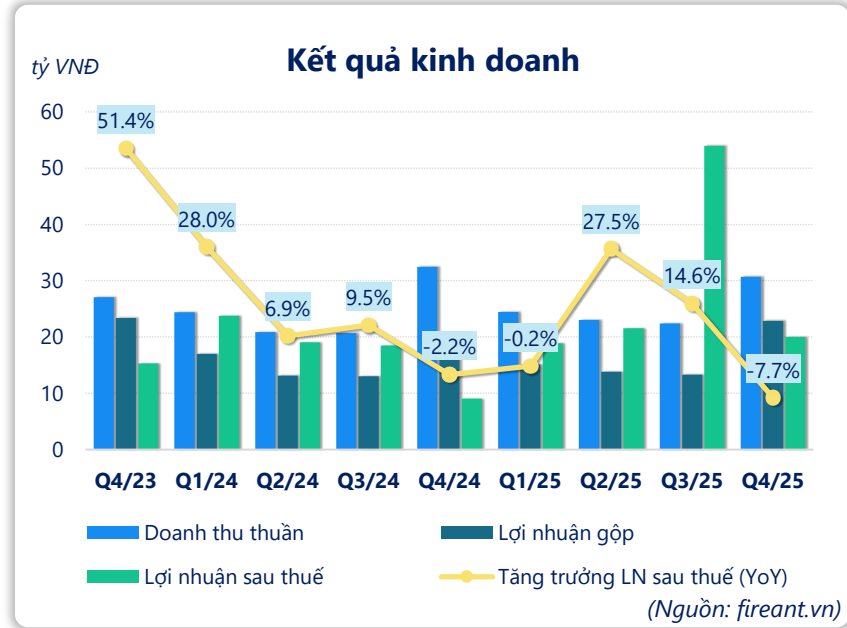


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		15,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		21,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		11,705
SL cổ phiếu LH		100,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		2,760
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,520
P/E		13.3
EPS		1,144

	YTD	1T	3T	6T
SID	28.8%	0.0%	-21.6%	-22.1%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,651	2,564	3.4%
Tài sản ngắn hạn	512	579	-11.4%
Tiền và tương đương tiền	195	210	-6.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	9.53	312	-96.9%
Phải thu ngắn hạn	290	46.9	518%
Hàng tồn kho	1.83	1.72	6.4%
Tài sản ngắn hạn khác	16.2	8.48	91.0%
Tài sản dài hạn	2,139	1,985	7.7%
Phải thu dài hạn	145	140	3.9%
Tài sản cố định	73.2	78.8	-7.1%
Bất động sản đầu tư	34.4	36.1	-4.6%
Tài sản dở dang	604	498	21.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	1,278	1,229	4.0%
Tài sản dài hạn khác	4.32	4.44	-2.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	167	161	3.8%
Nợ ngắn hạn	51.7	47.2	9.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	26.7	21.0	27.3%
Nợ dài hạn	116	114	1.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,484	2,403	3.4%
Vốn chủ sở hữu	2,484	2,403	3.4%
Vốn điều lệ	1,000	1,000	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	32.5	24.4	23.0	22.4	30.7
Giá vốn hàng bán	13.5	9.32	9.22	9.15	7.84
Lợi nhuận gộp	19.0	15.1	13.8	13.3	22.9
Doanh thu HĐTC	5.45	5.61	6.71	3.74	2.88
Chi phí TC	1.82	0.10	1.02	-0.10	0.31
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	17.0	19.0	22.8	55.7	19.9
Chi phí bán hàng	6.83	4.44	5.02	4.63	6.76
Chi phí QLDN	22.6	14.1	13.8	12.8	17.4
LN thuần từ HĐKD	10.1	21.0	23.5	55.4	21.2
Lợi nhuận khác	-0.05	-0.37	-0.10	0.22	0.37
LN trước thuế	10.1	20.6	23.4	55.6	21.6
Lợi nhuận sau thuế	9.03	18.9	21.5	54.0	20.0
LNST của CĐ cty mẹ	9.03	18.9	21.5	54.0	20.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	13.1	-1.48	-8.87	-120	-105
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	50.1	-0.80	155	4.86	92.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	-0.02	-29.9	-0.01
Tiền đầu kỳ	161	210	207	353	208
Lưu chuyển tiền thuần	63.3	-2.27	146	-145	-13.0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	225	207	353	208	195

(Nguồn: fireant.vn)